ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG MẦM NON 7A

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG MẦM NON 7A

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Kiên Trinh	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Trần Thanh Hương	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Hoàng Thị Hải Hà	Văn thư	Thư ký hội đồng	
4	Kim Bạch Phụng	Phó hiệu trưởng	Ủy viên hội đồng	
5	Mai Thị Thanh Tâm	Kế toán	Ủy viên hội đồng	
6	Lê Thị Trà Giang	Chủ tịch công đoàn – Giáo viên khối Lá	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tổ trưởng khối Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
8	Trần Thị Thùy Trang	Tổ trưởng khối Mầm	Ủy viên hội đồng	
9	Phan Thanh Loan	Tổ trưởng khối Chồi	Ủy viên hội đồng	
10	Hồ Thị Xuân Mai	Tổ trưởng khối Lá	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	30
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	32

Kết luận về Tiêu chuẩn 1	34
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	35
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	37
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	39
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	42
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	42
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	45
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính-quản trị	47
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	49
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	51
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	53
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	54
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	55
Mở đầu	55
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	55
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân của nhà trường	57
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	59
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	60
Mở đầu	60
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	60

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	62
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	64
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	68
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	69
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	70
Phần IV. PHỤ LỤC	72

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí từ Mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	*Mức 2*	*Mức 3*
Tiêu chuẩn 1		x	x	
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2		x	x	
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3		x	x	
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4		x	x	

Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5		x	x	
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 1,2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1,2/không đạt mức 3

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non 7A

Tên trước đây: Trường Mầm non Công lập 7A

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh

Tỉnh / thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Phạm Kiên Trinh
Huyện / quận / thị xã / thành phố	Quận Bình Thạnh	Điện thoại	38.412.244
Xã / phường / thị trấn	7	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Cấp độ 1 năm 2018	Website	mn7abinhthanh.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1141 QĐ-UBND ngày 02/8/1997	Số điểm trường	01điểm chính
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

Số nhóm, lớp	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	02	02
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	02	02	02
Lớp mẫu giáo từ 3 - 4 tuổi	03	03	03	03	03
Lớp mẫu giáo từ 4 - 5 tuổi	03	03	03	03	03
Lớp mẫu giáo từ 5 - 6 tuổi	03	03	02	03	03
Cộng	12	12	11	13	13

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	12	11	13	13	
Phòng kiên cố	12	12	11	13	13	

Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
Phòng tạm	00	00	00	00	00	
Khối phòng phục vụ học tập	03	03	03	03	03	
Phòng kiên cố	03	03	03	03	03	
Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
Phòng tạm	00	00	00	00	00	
Khối phòng hành chính quản trị	01	01	01	01	01	
Phòng kiên cố	01	01	01	01	01	
Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
Phòng tạm	00	00	00	00	00	
Khối phòng tổ chức ăn	00	00	00	00	00	
Các phòng khác (nếu có)	00	00	00	00	00	
Cộng	17	17	16	18	18	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 3 năm 2019

	Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc**	**Trình độ đào tạo**			**Ghi chú**
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	Kinh	00	01	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	Kinh	00	02	02	
Giáo viên	26	26	Kinh	00	26	25	
Nhân viên	12	09	Kinh	00	11	01	
Cộng	41	38	Kinh	00	40	29	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	**Số liệu**	**Năm học 2013-2014**	**Năm học 2014-2015**	**Năm học 2015-2016**	**Năm học 2016-2017**	**Năm học 2017-2018**
1	Tổng số giáo viên	25	25	23	26	26
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	25/12 lớp = 02/lớp	25/12 lớp = 02/lớp	23/11 lớp = 02/lớp	26/13 lớp = 02/lớp	26/13 lớp = 02/lớp
3	Tỷ lệ giáo viên/trẻ em	01/19 trẻ	01/18 trẻ	01/16 trẻ	01/14 trẻ	01/14 trẻ
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở	04	04	04	06	06

	lên (nếu có)					
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00
6	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	461	422	361	365	367	
	- *Nữ*	194	127	121	170	172	
	- *Dân tộc*	Kinh	Kinh	Kinh	Kinh	Kinh	
	Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	29	27	18	32	29	
	Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	75	60	56	54	55	
	Lớp mẫu giáo 3- 4	89	108	95	79	102	

	tuổi						
	Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	137	93	107	101	98	
	Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	131	134	85	99	94	
2	Tổng số tuyển mới	194	127	121	170	169	
3	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
4	Bán trú	461	422	361	365	367	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số trẻ em/lớp học	461/12 = 38	422/12 = 35	361/11 = 32	365/13 = 28	367/13 = 28	
7	*Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi*	461 100%	422 100%	361 100%	365 100%	367 100%	
	- *Nữ*	194	127	121	170	172	
	- *Dân tộc*	Kinh	Kinh	Kinh	Kinh	Kinh	
10	Tổng số trẻ em thuộc đối tượng chính	00	00	00	00	00	

	sách						
	- *Nữ*	00	00	00	00	00	
	- *Dân tộc*	00	00	00	00	00	
11	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	00	00	00	00	00	
12	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00	

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 7A tọa lạc tại số 23/124 đường Nơ Trang Long, Phường 7, quận Bình Thạnh thành lập theo Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 02/8/1997. Năm 2012 chuyển trường Mầm non Công lập 7A thành trường Mầm non 7A theo Quyết định số 5928/QĐ-UBND ngày 27/8/2012 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Tháng 01 năm 2016 trường được xây dựng trên nền đất rộng 1.598m^2, diện tích xây dựng 2.259m^2, diện tích sàn sử dụng 3.025m^2, gồm 01 trệt, 02 lầu với 13 phòng học, khối phòng hành chính, phòng chức năng, sân chơi và hệ thống trang thiết bị khá hiện đại và đồng bộ, đáp ứng được nhu cầu chăm sóc – nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Kinh phí xây dựng, đầu tư trang thiết bị là 28.678.717.000 đồng bằng nguồn ngân sách của quận Bình Thạnh.

Trong những năm qua, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm 1998 đến nay trường liên tục đạt tập thể lao động xuất sắc; Bằng khen Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2008 - 2009, 2011 - 2012, 2013 - 2014, 2015 - 2016; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm 2011; Cờ thi đua năm 2008; 2012; 2018; Nhận Huân chương lao động hạng 3 năm 1992 và Huân chương lao động hạng 2 năm 1998. Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, Công đoàn vững mạnh xuất sắc, Chi đoàn vững mạnh xuất sắc.

Năm học 2018 - 2019 trường có 42 cán bộ, giáo viên, nhân viên, có đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Tổng số trẻ tính đến tháng 3 năm 2019 là 378 trẻ, được phân chia thành 13 nhóm. Trong đó có 04 nhóm nhà trẻ và 09 lớp mẫu giáo. Trường luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, chính quyền các cấp, cùng với sự cố gắng phấn đấu của đội ngũ

quản lý, giáo viên, nhân viên và các bậc phụ huynh trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Trình độ chuyên môn giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn 100%.

2. Mục đích tự đánh giá:

Theo chỉ đạo của ngành Trường Mầm non 7A thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nhằm không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để cơ quan có thẩm quyền đánh giá, công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Trường đã được công nhận chuẩn quốc gia cấp độ I và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ III năm học 2017 – 2018.

Mục đích của việc tự đánh giá này là nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định mới. Đồng thời nhận thức của tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về công tác đảm bảo và hoàn thiện chất lượng được thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Công tác quản lý ngày một chặt chẽ và hiệu quả hơn. Công tác tự đánh giá sẽ thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân sẽ nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật của báo cáo tự đánh giá:

3.1. Ngày 01 tháng 3 năm 2019: Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Họp hội đồng trường cùng thảo luận về mục đích, phạm vi và xác định các thành viên của hội đồng kiểm định chất lượng nhà trường. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá của trường.

3.2. Ngày 4 tháng 3 năm 2019: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể giáo viên, nhân viên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng tự đánh giá.

3.3. Ngày 20 tháng 3 năm 2019: Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

Thảo luận về những vấn đề nảy sinh và xác định những thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của từng tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

3.4. Ngày 22 tháng 3 năm 2019: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Kiểm tra lại thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. Họp hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã điều chỉnh, công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

3.5. Ngày 25 tháng 3 năm 2019: Viết báo cáo tự đánh giá.

Tập hợp các ý kiến đã đóng góp.

3.6. Ngày 27 tháng 3 năm 2019: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường và nộp báo cáo vào ngày 29/3/2019.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển giáo dục mầm non, Trường Mầm non 7A xây dựng phương hướng phát triển giáo dục mầm non tầm nhìn đến năm 2022 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển. Nhà trường có cơ cấu tổ chức khoa học, quản lý các hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non, phân chia trẻ đúng độ tuổi và được học bán trú ở trường, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn

trường học. Trường thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động, quản lý tài chính, đảm bảo tính công khai minh bạch công tác quản lý.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng phương hướng chiến lược, kế hoạch cụ thể, phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của đơn vị [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng chiến lược Trường Mầm non 7A được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và được công khai qua các hình thức: Bảng tin tuyên truyền nhà trường; trang website và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Công tác kiểm tra đánh giá và thúc đẩy về mọi mặt được nhà trường đánh giá kịp thời, khách quan và đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển theo từng năm học [H1-1.1-04].

Mức 3:

Đầu năm học, cán bộ quản lý có kiểm tra theo định kỳ, bổ sung và điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh. Chất lượng chuyên môn và các hoạt động giáo dục của giáo viên có đánh giá theo từng học kỳ. Tuy nhiên, phương hướng, chiến lược của nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng [H1-1.1-04].

1.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược, xác định được những mục tiêu cụ thể, có các biện pháp để tập thể sư phạm nhà trường thể hiện rõ tâm tư, nguyện vọng, nhằm nêu cao tinh thần trách nhiệm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ; được kiểm tra theo định kỳ, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Được sự quan tâm giúp đỡ của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh cũng như chính quyền địa phương để đơn vị thực hiện lộ trình đúng kế hoạch và hiệu quả nhất.

1.1.3. Điểm yếu

Phương hướng, chiến lược của nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược cùng với cha mẹ trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học. Cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cụ thể cho từng cá nhân theo năm học.

1.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

2. Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường thành lập các hội đồng theo quy định như: Hội đồng trường gồm có 10 thành viên. Hội đồng do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh ra quyết định công nhận [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 06 thành viên [H1-1.2-02], Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường gồm 07 thành viên do hiệu trưởng ra quyết định thành lập [H1-1.2-03].

b) Các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số: 04-VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015): Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp

của Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi các nhiệm vụ đã được quy định. Hội đồng thi đua khen thưởng xây dựng các nội dung khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo từng học kỳ, năm học. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường dự giờ các hoạt động học, giờ chơi và giờ ăn được quy định trong Chương trình giáo dục mầm non, có tác dụng giáo dục, khuyến khích động viên giáo viên học hỏi, trao đổi, rút kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ và sử dụng đồ dùng dạy học, đồ chơi, môi trường trong lớp, ngoài lớp [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các cuộc họp của nhà trường [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. Tuy nhiên, Hội đồng thi đua khen thưởng chưa khen thưởng kịp thời những cá nhân có thành tích nổi bật trong hoạt động của trường [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04].

1.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. Thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

1.2.3. Điểm yếu

Hội đồng thi đua khen thưởng chưa đánh giá kịp thời những cá nhân có thành tích nổi bật trong các hoạt động của trường.

1.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục thành lập các hội đồng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thi đua khen thưởng cụ thể để có chế độ khen thưởng kịp thời với giáo viên, nhân viên khi có thành tích nổi bật trong các hoạt động.

1.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

3. Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có chi bộ độc lập gồm 10 đảng viên, công đoàn cơ sở gồm 42 công đoàn viên [H1-1.3-01]. Chi đoàn gồm 8 đoàn viên và có Hội Khuyến học. [H1-1.3-02].

b) Công đoàn cơ sở hoạt động theo quy định. Làm tốt chức năng, nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi chính đáng của đoàn viên, tham gia hiệu quả vào công tác quản lý trong nhà trường theo đúng Điều lệ Công đoàn Việt Nam đã quy định nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.3-01].

c) Hằng năm, Công đoàn thực hiện các loại sổ sách theo quy định của

Điều lệ Công đoàn Việt Nam được rà soát, đánh giá theo định kỳ. Ban thanh tra nhân dân có kiểm tra việc thực hiện quy chế, tài chính công đoàn [H1-1.3-01].

Mức 2:

a) Chi bộ của trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 5 năm vừa qua chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-02].

b) Công đoàn có thực hiện theo Nghị quyết và đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ của trường đã đạt 5 năm liền hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-02].

b) Công đoàn, Chi đoàn, Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng: Nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên; Theo dõi phối hợp các hoạt động giữa chuyên môn và công tác đoàn thể; Có chế độ thăm hỏi đoàn viên khi gặp khó khăn; Có ý kiến đề xuất tổ chức tham quan du lịch cho cán bộ, giáo viên, nhân viên vào cuối năm học; Tham gia đầy đủ các phong trào đoàn thể, văn hóa, các hoạt động từ thiện của các ban ngành địa phương. Tuy nhiên, hoạt động của Hội Khuyến học chưa định hướng được những việc làm cụ thể nhằm khuyến khích sự tham gia của cha mẹ học sinh để đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập [H1-1.2-04].

1.3.2. Điểm mạnh

Công đoàn cơ sở đã được thành lập và hoạt động theo quy định của điều lệ Công đoàn Việt Nam.

1.3.3. Điểm yếu

Hội Khuyến học chưa định hướng được những việc làm cụ thể nhằm thực hiện tốt phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

1.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục đảm bảo các yêu cầu về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công đoàn cơ sở theo quy

định của pháp luật. Hiệu trưởng tạo điều kiện để Ban chấp hành Hội Khuyến học phối hợp với các tổ chức đoàn thể và sự hỗ trợ của cha mẹ học sinh để đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trong nhà trường.

1.3.5. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 1, 2, 3.

4. Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 7A có hiệu trưởng [H1-1.4-01], 02 phó hiệu trưởng: Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục [H1-1.4-02]; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng [H1-1.4-03].

b) Trường Mầm non 7A có cơ cấu tổ chức theo quy định gồm 06 tổ chuyên môn theo qui định của Điều lệ trường mầm non (Tổ chuyên môn Nhà trẻ, tổ chuyên môn 3 – 4 tuổi, tổ chuyên môn 4 – 5 tuổi, tổ chuyên môn 5 – 6

tuổi, tổ cấp dưỡng và 01 tổ văn phòng). Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng được phân công hỗ trợ quản lý thực hiện các chỉ đạo chuyên môn [H1-1.4-04].

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định: Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng nhằm thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, tổ chức sinh hoạt định kỳ 02 tuần 01 lần: bồi dưỡng chuyên môn, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên [H1-1.4-07]; Các thành viên của tổ chuyên môn và tổ văn phòng tham gia đánh giá, xếp loại hằng năm [H1-1.4-08]. Tổ văn phòng giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.4-09].

Mức 2:

a) Hằng năm, dựa vào các chuyên đề trọng tâm của nhà trường, tổ chuyên môn đề xuất ít nhất 01 chuyên đề còn hạn chế; thực hiện thao giảng chuyên đề theo sự phân công của cán bộ quản lý và áp dụng đại trà ở tất cả các lớp nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục [H1-1.1-04]; [H1-1.4-05].

b) Hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng họp định kỳ 02 lần 01 tháng để kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) Thông qua các buổi họp của tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các thành viên trong tổ đưa ra các biện pháp trong việc thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, các tổ chưa đưa ra các ý kiến đề xuất trong buổi họp nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-05].

b) Các thành viên trong tổ chuyên môn có đầu tư tiết học và hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch của nhà

trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-10].

1.4.2. Điểm mạnh

Nhà trường có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các tổ có xây dựng kế hoạch năm, tháng; thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

1.4.3. Điểm yếu

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng chưa đưa ra các ý kiến đề xuất trong buổi họp nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, các tổ chuyên môn tiếp tục duy trì việc xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng; tổ chức sinh hoạt theo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng chỉ đạo 02 Phó hiệu trưởng tham gia các buổi sinh hoạt chuyên môn của các tổ theo định kỳ nhằm gợi ý, hướng dẫn và khuyến khích giáo viên, nhân viên mạnh dạn đưa ra các ý kiến đề xuất, những khó khăn trong quá trình thực hiện để tìm ra biện pháp khắc phục nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

5. Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1.5.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện phân chia trẻ theo độ tuổi đúng quy định, cụ thể: 01 nhóm lớp 13 – 18 tháng; 01 nhóm lớp 19 – 24 tháng; 02 nhóm 25 - 36 tháng; 03 lớp 3 - 4 tuổi; 03 lớp 4 - 5 tuổi; 03 lớp 5 - 6 tuổi [H1-1.5-01].

b) 100% trẻ ở các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học bán trú tại trường [H1-1.5-02].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.2-04].

Mức 2:

Số trẻ trong lớp đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và được phân chia theo độ tuổi như sau:

+ Nhóm 13 – 18 tháng tuổi: 10 trẻ/01 lớp;

+ Nhóm 25 đến 36 tháng tuổi: 50 trẻ/02 lớp;

+ Lớp 3 - 4 tuổi: 82 trẻ/03 lớp;

+ Lớp 4 - 5 tuổi: 85 trẻ/03 lớp;

+ Lớp 5 - 6 tuổi: 90 trẻ/03 lớp [H1-1.5-01].

Mức 3:

Nhà trường có 13 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, không vượt quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

1.5.2. Điểm mạnh

Trẻ được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học bán trú tại trường.

1.5.3. Điểm yếu

Không có.

1.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục phân chia trẻ theo độ tuổi; trang bị đồ dùng đồ chơi, tạo môi trường hoạt động đảm bảo cho trẻ được học bán trú nhằm phát huy tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

1.5.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1.6.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tất cả các hồ sơ, chứng từ, sổ sách, văn bản phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường được quản lý, lưu trữ, bảo quản đầy đủ theo quy định của Luật lưu trữ [H1-1.4-09].

b) Hằng năm, nhà trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định; Hằng tháng, có công khai và tự kiểm tra tài chính [H1-1.6-01]; Kiểm tra tài sản theo học kỳ [H1-1.4-06]. Quy

chế chi tiêu nội bộ được xây dựng, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Tuy nhiên, hằng tháng kế toán chưa cập nhật kịp thời việc công khai trên bản tin công đoàn đúng thời gian [H1-1.6-02].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, tài sản đảm bảo đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.4-06]; [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý có ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: cổng thông tin điện tử, mạng thông tin nội bộ, phần mềm bán trú [H1-1.6-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-01].

Mức 3:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương [H1-1.3-02].

1.6.2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý tốt hành chính, tài chính, tài sản theo quy định.

1.6.3. Điểm yếu

Hằng tháng kế toán chưa cập nhật kịp thời việc công khai trên bản tin công đoàn đúng thời gian.

1.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục lưu trữ hồ sơ, văn bản theo quy định. Sử dụng đúng mục đích và phát huy hiệu quả công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản phục vụ các hoạt động giáo dục. Các buổi họp hội đồng Hiệu trưởng thường xuyên nhắc nhỡ kế toán công khai lên bản tin đúng thời gian.

1.6.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

7. Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1.7.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và triển khai đến đội ngũ trong buổi họp đầu năm. Tạo điều kiện để giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

b) Đầu năm học, nhà trường phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo trình độ chuyên môn, năng lực từng cá nhân nhằm đảm bảo hiệu quả công việc trong các hoạt động được quy định tại Điều 36 Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-04].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định tại Điều 37 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Điều 17 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 18/6/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ. Tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo quy định; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự [H1-1.6-01]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Hằng năm, thông qua dự giờ thực tế cán bộ quản lý có các biện pháp bồi dưỡng cụ thể để phát huy năng lực của giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.1-04]; [H1-1.7-06]. Tuy nhiên, còn một số giáo viên trẻ chưa mạnh dạn, chủ động đăng kí các danh hiệu cấp quận [H1-1.2-06].

1.7.2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công sử dụng hợp lý, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ và tham gia học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; được đảm bảo các quyền theo quy định.

1.7.3. Điểm yếu

Một số giáo viên trẻ chưa mạnh dạn, chủ động đăng kí các danh hiệu cấp quận.

1.7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phân công sử dụng hợp lý, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên về lý thuyết và thực hành, khuyến khích giáo viên trẻ mạnh dạn tham gia đăng kí chiến sĩ thi đua cơ sở và tham gia hội thi giáo viên giỏi do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức.

1.7.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1,2.

8. Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1.8.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non theo quy định. Chỉ đạo giáo viên kịp thời và có hiệu quả trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và trường, lớp [H1-1.6-04].

b) Giáo viên thực hiện đầy đủ các nội dung theo kế hoạch giáo dục trong việc tổ chức các hoạt động theo chế độ sinh hoạt của trẻ, đảm bảo các mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non theo từng lứa tuổi [H1-1.6-04]; [H1-1.7-06].

c) Kế hoạch giáo dục của giáo viên được rà soát, đánh giá từng tháng đối với mẫu giáo, từng quý đối với nhà trẻ theo từng lĩnh vực và được điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ [H1-1.6-04].

Mức 2:

Hằng tháng, cán bộ quản lý kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ và có các biện pháp chỉ đạo giáo viên, nhân viên thực hiện đạt hiệu quả [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]. Tuy nhiên, 02/26 (tỷ lệ 7,7%) giáo viên mới khi tổ chức hoạt động học chưa vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ, thời gian còn kéo dài [H1-1.7-06].

1.8.2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đã được xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non và được thực hiện đầy đủ các hoạt động, chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ. Có đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ.

1.8.3. Điểm yếu

02/26 (tỷ lệ 7,7%) giáo viên mới khi tổ chức hoạt động học chưa chú ý đến thời gian, vận dụng nội dung, phương pháp chưa linh hoạt nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.

1.8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với từng độ tuổi. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng hướng dẫn, bồi dưỡng, gợi ý các hình thức nhằm giúp giáo viên vận dụng nội dung, phương pháp cho linh hoạt, đảm bảo thời gian theo quy định cho từng lứa tuổi nhằm nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục đạt hiệu quả.

1.8.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

9. Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1.9.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H1-1.9-01].

b) Nhà trường không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại cơ sở [H1-1.1-04]; [H1-1.9-01].

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo tổng kết thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tổ chức họp mỗi tháng 01 lần để kiểm tra, giám sát các hoạt động thực hiện kế hoạch [H1-1.7-03]; [H1-1.9-01].

Mức 2:

Mỗi năm học, Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ duy trì lịch họp mỗi tháng 01 lần để kiểm tra, giám sát các hoạt động theo kế hoạch đề ra để kịp thời điều chỉnh, bổ sung Quy chế; định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá hoạt động của Ban Chỉ đạo, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả về các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên, Ban thanh tra nhân dân chưa chưa nhớ thời gian để thực hiện công tác kiểm tra tài chính theo định kỳ, còn đợi Hiệu trưởng nhắc nhở [H1-1.1-04]; [H1-1.3-01].

1.9.2. Điểm mạnh

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nêu cao ý thức tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng Quy chế dân chủ. Có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả về các chế độ chính sách cho đội ngủ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

1.9.3. Điểm yếu

Ban thanh tra nhân dân chưa thực hiện đúng thời gian trong công tác kiểm tra tài chính theo định kỳ.

1.9.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc chỉ đạo, thực hiện quy chế dân chủ trong trường học. Duy trì nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Hiệu trưởng xây dựng khối đoàn kết nhất trí cao từ cán bộ quản lý đến từng giáo viên, nhân viên đảm bảo dân chủ, công bằng trong nhà trường. Tạo điều kiện cho Ban thanh tra nhân dân kiểm tra tài chính theo định kỳ.

1.9.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

10. Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1.10.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phối hợp với công an Phường 7, quận Bình Thạnh để xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ theo đúng quy định [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; an toàn phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; hồ sơ y tế trường học [H1-1.10-08]. Có tổ chức bếp ăn cho trẻ và được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý được gắn ở trước cổng trường, có đường dây nóng qua số điện thoại của hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng và có lịch tiếp dân dán ở trước cửa văn phòng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân và cha mẹ học sinh [H1-1.10-09]; Cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ được làm việc và học tập trong môi trường luôn bảo đảm an toàn tuyệt đối [H1-1.10-01].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn tôn trọng lẫn nhau, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 2:

a) Đầu năm học, nhà trường liên hệ các ban ngành tổ chức tập huấn, diễn tập cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về việc thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; tham gia lớp học tập, bồi dưỡng về vệ sinh an toàn thực phẩm do Trung tâm y tế quận Bình Thạnh tổ chức [H1-1.10-02]; [H1-1.10-04].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Tuy nhiên, có 10% phụ huynh chưa dắt xe vào sân trường và còn để xe phía trước cổng trường gây cản trở giao thông ở giờ đón, trả trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.10-10].

1.10.2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường.

1.10.3. Điểm yếu

10% phụ huynh chưa dắt xe vào sân trường và còn để xe phía trước cổng trường gây cản trở giao thông ở giờ đón, trả trẻ.

1.10.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; bếp ăn đảm bảo an toàn thực phẩm; an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ bảo vệ yêu cầu phụ huynh để xe đúng nơi quy định khi vào trường, tránh gây cản trở giao thông ở giờ đón, trả trẻ.

1.10.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có xây dựng phương hướng chiến lược cụ thể và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt. Có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trẻ được phân chia theo độ tuổi và 100% trẻ học bán trú. Có các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Điểm yếu cơ bản:

Một số giáo viên trẻ chưa mạnh dạn, chủ động đăng kí các danh hiệu cấp quận.

02/26 (tỷ lệ 7,7%) giáo viên mới khi tổ chức hoạt động học chưa chú ý đến thời gian, vận dụng nội dung, phương pháp chưa linh hoạt nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

II. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Cán bộ quản lý đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có năng lực về quản lý, chuyên môn; năng động trong tổ chức, điều hành công việc, đoàn kết, thống nhất, phân công, phân nhiệm rõ ràng để cùng phối hợp hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có tinh thần học tập nâng

cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao, được đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật.

Với những nỗ lực trong nhiều năm qua Trường Mầm non 7A đã từng bước có những đổi mới trong công tác đáp ứng tốt những yêu cầu mục tiêu giáo dục của nhà trường nói riêng và của ngành nói chung.

1. Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

2.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có nghiệp vụ quản lý giáo dục công tác trong ngành 26 năm, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục công tác 14 năm, phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng công tác 19 năm. Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đã tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non, có chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục, trình độ trung cấp lý luận chính trị - hành chính [H1-1-04-01]; [H1-1-04-02]; [H1-1-04-03].

b) Mỗi năm học, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng thực hiện việc đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định và được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non ngoài công lập, phần mềm quản lý trường, cổng thông tin điện tử, mạng thông tin nội bộ, Mindjet MindManager, phần mềm bán trú [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]; [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm cán bộ quản lý đều đánh giá đạt Chuẩn hiệu trưởng từ mức khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

b) Cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định và được sự tín nhiệm của đội ngũ giáo viên, công nhân viên [H1-1.2-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn ở mức khá trở lên, trong đó hiệu trưởng đạt chuẩn ở mức tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

2.1.2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành nhiều năm; đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm nhiệm.

2.1.3. Điểm yếu

Không có.

2.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2018 - 2019 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng luôn giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực quản lý tốt để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm nhiệm.

2.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

2. Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

2.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng giáo viên (26/13 lớp) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28-11-2007 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 17 và Thông tư 28 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.4-04].

b) Có 26/26 giáo viên (tỷ lệ: 100%) đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó có 25/26 giáo viên (tỷ lệ: 96,1%) đạt trên chuẩn [H1-1.4-04].

c) Nhà trường có 100% giáo viên được xếp loại từ khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trong năm học 2017-2018 có 06/26 (tỷ lệ 23%) giáo viên được xếp loại xuất sắc, 20/26 (tỷ lệ 77%) giáo viên xếp loại khá, không có giáo viên xếp loại trung bình [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) 25/26 (tỷ lệ 96,1%) giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo: Cao đẳng sư phạm mầm non: 1 giáo viên và Đại học sư phạm mầm non: 25 giáo viên [H1-1.4-04]

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được xếp loại từ khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, không có giáo viên xếp loại ở mức đạt [H1-1.4-07].

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) Nhà trường, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo sư phạm mầm non 96,1% [H1-1.4-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 14/26 tỷ lệ 53,8% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H1-1.4-07].

2.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định. 26/26 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn và được đánh giá xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

2.2.3. Điểm yếu

Nhà trường có 01/26 tỷ lệ 3,8% giáo viên chưa tham gia nâng cao trình độ Đại học.

2.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phân công đủ số giáo viên/ lớp theo quy định và thực hiện đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hằng năm. Cố gắng duy trì số lượng giáo viên được xếp loại từ khá trở lên, không có giáo viên xếp loại trung bình. Nhà trường động viên giáo viên trình độ cao đẳng tham gia lớp Đại học để nâng cao trình độ trên chuẩn.

2.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

3. Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

2.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập: 01 kế toán, 01 văn thư kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên y tế trường học, 03 bảo vệ, 05 nhân viên nấu ăn, 02 phục vụ [H1-1.4-04].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực thực tế của mỗi người: Nhân viên kế toán có trình độ Đại học kinh tế

chuyên ngành tài chính – ngân hàng; nhân viên văn thư có trình độ Đại học kinh tế chuyên ngành kế toán - kiểm toán, trình độ trung cấp văn thư lưu trữ, nhân viên phụ trách y tế có trình độ Trung cấp y sĩ; nhân viên cấp dưỡng có trình độ sơ cấp và trung cấp nấu ăn, bảo vệ có kinh nghiệm trong công tác [H1-1.4-04].

c) Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao: kế toán hoàn thành hồ sơ, sổ sách, chứng từ; nhân viên y tế thực hiện bản truyền thông, xử lý kịp thời các tình huống liên quan đến sức khỏe cô và trẻ; nhân viên nấu ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện quy trình bếp một chiều; nhân viên phục vụ đảm bảo vệ sinh môi trường; bảo vệ đảm bảo ca trực, giữ gìn an ninh trật tự cho mọi hoạt động của nhà trường, không để xảy ra thiệt hại về tài sản trong trường [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDĐT- BNV ngày 16/3/2015 Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non [H1-1.4-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có trình độ Đại học kinh tế chuyên ngành tài chính – ngân hàng; nhân viên văn thư có trình độ Đại học kinh tế chuyên ngành kế toán - kiểm toán, trình độ trung cấp văn thư lưu trữ; nhân viên phụ trách y tế có trình độ Trung cấp y sĩ; 02/07 nhân viên cấp dưỡng có trình độ trung cấp nấu ăn và 04 nhân viên có bằng sơ cấp. Tuy nhiên, còn 01 nhân viên cấp dưỡng chưa có trình độ sơ cấp nấu ăn lý do: Trong năm 2017 cá nhân đã tự dăng kí tham gia lớp học nhưng chưa có mở lớp; và 03 nhân viên bảo vệ đã qua lớp bồi dưỡng về chuyên môn [H1-1.4-04].

b) Hằng năm, nhà trường có tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm khi có lớp [H1-1.1-04].

2.3.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên, thực hiện đầy đủ theo nhiệm vụ được giao.

2.3.3. Điểm yếu

01 nhân viên cấp dưỡng chưa có trình độ sơ cấp nấu ăn do đã dăng kí nhưng chưa có lớp học.

2.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy tốt phong trào thi đua tại đơn vị nhằm đẩy mạnh tinh thần phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của từng cá nhân. Thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và theo dõi các lớp học để tạo điều kiện cho nhân viên nấu ăn tham gia lớp học chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

1.3.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được cơ cấu đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 96,1% cán bộ, giáo viên đạt trình độ trên chuẩn và được đánh giá xếp loại từ khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Điểm yếu cơ bản:

01 nhân viên cấp dưỡng chưa có trình độ sơ cấp nấu ăn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

III. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất chính là tạo môi trường thuận lợi cho trẻ tích cực hoạt động đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Chính vì vậy, song song với việc nâng chất lượng đội ngũ, Trường Mầm non 7A đã từng bước bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

1. Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định.

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập.

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi

ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 1.598m^2, diện tích xây dựng 2.259 m^2, diện tích sàn sử dụng 3.025m^2, Số lượng trẻ bình quân từ: 350 – 380 trẻ. Diện tích đất bình quân 6m^2/trẻ chưa đủ theo quy định 8m^2/trẻ, các công trình nhà trường xây dựng kiên cố [H3-3.1-01].

b) Trường có cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường rào được xây dựng kiên cố bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện, trang trí đẹp và an toàn cho trẻ em [H3-3.1-02].

c) Sân chơi của trường có diện tích 482m^2, được thiết kế các khu vực hoạt động ngoài trời phù hợp với trẻ mầm non. Sân trường có cây cảnh, cây bóng mát, cây hoa gần gũi với trẻ, có khu vực cho trẻ chơi vận động được bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường và đảm bảo an toàn cho trẻ và tất cả trẻ được tiếp cận sử dụng. Cây xanh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên, tạo bóng mát cho trẻ vui chơi, học tập. Hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp có chiều rộng 2m. Hiên chơi trên lầu có tường kín, lan can bao quanh cao 1,5m, 02 đầu cầu thang đều có cửa và cài chốt an toàn [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có diện tích xây dựng công trình là 2.259m^2 và diện tích sân vườn 482m^2 đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được nhân viên chăm sóc, cắt tỉa; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-01]; [H3-3.1-01].

c) Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012, Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non: đồ chơi liên hoàn, thang leo, thang

thăng bằng, có khu vực chơi các trò chơi vận động. Khu vực trẻ chơi được lát gạch, khu vực vận động được trải thảm. Tất cả các loại đồ chơi đều được làm bằng nhựa composite, thường xuyên vệ sinh sạch sẽ [H1-1.4-06]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế. Các đồ chơi ngoài trời thường xuyên được kiểm tra, sửa chữa kịp thời để đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.4-06].

3.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường được xây dựng kiên cố; có biển tên trường, khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn; Hiên chơi có lan can đúng theo quy định. Sân chơi thoáng mát, có cây xanh được chăm sóc thường xuyên phù hợp cho trẻ vận động ngoài trời phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và đảm bảo an toàn cho trẻ trong các hoạt động.

3.1.3. Điểm yếu

Diện tích đất bình quân 6m^2/trẻ chưa đủ theo quy định 8m^2/trẻ.

3.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì, đảm bảo môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. Hiệu trưởng thực hiện lộ trình giảm sĩ số trẻ ở mỗi lớp để đảm bảo diện tích bình quân cho 01 trẻ theo quy định và diện tích xây dựng công trình, diện tích sân vườn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

3.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 3.

2. Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

3.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 13 phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với 13/13 với số nhóm, lớp theo độ tuổi [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

b) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ của trẻ được sử dụng chung với phòng sinh hoạt có diện tích bình quân 6m^2/ trẻ. Nhà trường có phòng giáo dục nghệ thuật diện tích 60m^2, phòng giáo dục thể chất 75m^2, phòng thư viện 58m^2 [H3-3.1-01].

c) Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, quạt được trang bị ở các phòng đảm bảo ánh sáng tự nhiên, phòng thoáng mát. Mỗi lớp đều được trang bị đầy đủ tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, các học liệu cần thiết cho trẻ hoạt động. Phòng giáo dục nghệ thuật và khu vực sân chơi tổ chức các hoạt động phát triển thể chất được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng [H1-1.4-06]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ được sử dụng chung, phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01].

b) Tất cả các phòng ở nhóm, lớp và phòng chức năng đều được trang bị tủ, kệ, thùng đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H1-1.4-06].

Mức 3:

Nhà trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc [H1-1.4-06].

3.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường có số phòng tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi. Phòng sinh hoạt chung kết hợp phòng ngủ của trẻ và các phòng chức năng đảm bảo yêu cầu về diện tích, ánh sáng, an toàn và được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ trong các hoạt động.

3.2.3. Điểm yếu

Phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ của trẻ được sử dụng chung.

3.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì số phòng nhóm, lớp theo từng độ tuổi, đảm bảo sĩ số phù hợp với diện tích lớp học.

3.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

3. Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định;

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Đảm bảo diện tích theo quy định.

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

3.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.01-01].

b) Văn phòng trường, phòng cán bộ quản lý trang bị đầy đủ các bảng biểu, bàn ghế, máy vi tính, máy chiếu, máy in, tủ hồ sơ, âm ly phục vụ cho hội họp, sinh hoạt chuyên môn. Phòng y tế có đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khoẻ trẻ, có cân điện tử, thước đo, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe trẻ và phác đồ sơ cấp cứu, có các loại sổ sách theo dõi sức khỏe trẻ theo yêu cầu. Nhà vệ sinh có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Phòng bảo vệ được trang bị đầy đủ bàn ghế, đồng hồ, quạt, bình chữa cháy [H1-1.04-06]; [H2-2.03-01]; [H3-3.03-01].

c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có khu riêng biệt, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.03-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có đầy đủ các loại phòng, đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Văn phòng trường có diện tích 65m^2, phòng hiệu trưởng diện tích 26m^2, phòng phó hiệu trưởng diện tích 36m^2, phòng hành chính quản trị diện tích 20m^2, phòng y tế có diện tích 18m^2, phòng bảo vệ có diện tích 10m^2, phòng dành cho nhân viên có diện tích 18m^2 [H3-3.01-01].

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có mái che, thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.03-01].

Mức 3:

Nhà trường có đầy đủ các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.03-01].

3.3.2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định, được trang bị đầy đủ các phương tiện, đồ dùng phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác.

3.3.3. Điểm yếu

Không có.

3.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì các loại phòng theo quy định, sử dụng tốt các phương tiện làm việc, trang bị bổ sung thiết bị văn phòng nhằm giảm cường độ làm việc cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3.3.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

4. Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

3.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố theo quy định Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

b) Nhà bếp có kho thực phẩm, được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

c) Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng lưu mẫu theo quy định như: tủ lạnh, hộp đựng mẫu lưu bằng inox, nhiệt kế; thực hiện lưu mẫu thức ăn được bảo quản riêng biệt với các thực phẩm khác, nhiệt độ bảo quản mẫu thức ăn lưu từ 2°C đến 8°C theo quy định của Bộ Y tế [H3-3.4-02].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non với diện tích 115m^2/370 trẻ bình quân 0,31m^2/trẻ. Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [H3-3.1-01]. Nhà bếp được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm. Có đủ nước sử dụng đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định [H3-3.4-03]; [H3-3.4-06]. Đảm bảo việc xử lí các chất thải đúng quy định; đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ [H1-1.10-04]; [H3-3.4-04].

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non: Thông thoáng, đủ ánh sáng. Tường, trần nhà và sàn nhà bằng phẳng, không có các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng chất liệu inox dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ đựng thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không gây yếu tố độc hại. Có dụng cụ để bảo quản thực phẩm. Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà bông sát khuẩn. Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn dư; dụng

cụ đựng rác được trang bị bằng chất liệu sắt, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh [H1-1.4-06]; [H3-3.4-03]. Tuy nhiên, cửa sổ nhà bếp chưa có lưới để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác [H3-3.4-05].

3.4.2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Có kho để thực phẩm trong ngày riêng biệt, thức ăn lưu của các bữa ăn được sắp xếp trong tủ lạnh và có ký hiệu riêng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.4.3. Điểm yếu

Cửa sổ nhà bếp chưa có lưới để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác.

3.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện quy trình bếp một chiều, thực hiện lưu mẫu thức ăn theo đúng quy định đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tham mưu với Hiệu trưởng trang bị cửa sổ có lưới để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác.

3.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

5. Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3.5.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.4-06].

b) Nhà trường có trang bị các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục cho các lớp. Giáo viên có sử dụng các nguyên vật liệu thải bỏ để làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động học tập, vui chơi của trẻ trên nguyên tắc đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với từng lứa tuổi, nhằm phát huy tính sáng tạo ở trẻ [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, các thiết bị được cán bộ, giáo viên, nhân viên kiểm kê, sửa chữa đồ dùng, đồ chơi để đảm bảo an toàn cho trẻ trong khi sử dụng [H1-1.4-06]; [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học như: mạng nội bộ, cổng thông tin điện tử, phần mềm bán trú [H1-1.6-03].

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi -thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non: Bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ trong lớp. Có tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. Có đầy đủ hệ thống đèn, quạt, máy lạnh cho các lớp [H1-1.4-06].

c) Hằng năm, nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học ngoài danh mục tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 [H1-1.4-06]; [H1-1.6-01]. Các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm phù hợp với từng lứa tuổi và mục tiêu Chương trình

giáo dục mầm non. Tuy nhiên, Cán bộ quản lý cần khuyến khích giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học từ các sản phẩm của trẻ nhiều hơn [H3-3.05-01].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-06]; [H1-1.7-06].

3.5.2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định và đồ chơi tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ, được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3.5.3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý cần khuyến khích giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học từ các sản phẩm của trẻ nhiều hơn.

3.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tiếp tục đầu tư trang bị đồ dùng, đồ chơi theo quy định để đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ. Cán bộ quản lý cần khuyến khích giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học từ các sản phẩm của trẻ nhiều hơn.

3.5.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

6. Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3.6.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khô ráo, thoáng mát đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận lợi cho việc sử dụng [H3-3.1-01]; [H3-3.6-01].

b) Hệ thống thoát nước, cống rãnh luôn thông thoáng đảm bảo vệ sinh môi trường; nguồn nước uống, nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ đảm bảo đủ, an toàn khi sử dụng [H3-3.4-03]; [H3-3.6-02].

c) Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường như: bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ để chứa đựng và phân loại rác; các dụng cụ này thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng [H1-1.4-06]. Được đơn vị vệ sinh môi trường thu gom rác hằng ngày đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-04].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh cho trẻ, phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Phòng vệ sinh cho trẻ có diện tích 186m^2/378 đạt 0,5m^2/trẻ; đối với trẻ mẫu giáo có chỗ riêng cho trẻ trai, trẻ gái. Phòng vệ sinh có các thiết bị: vòi nước rửa tay; có bồn tiểu, bồn cầu. Có phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.4-06]; [H3-3.1-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế: Nhà trường sử dụng nguồn nước của Công ty cấp nước Gia Định đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt. Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp;

có hợp đồng với đơn vị Vệ sinh môi trường để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt hằng ngày không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04]; [H3-3.6-02].

3.6.2. Điểm mạnh

Khu vực vệ sinh cho trẻ có đầy đủ các thiết bị đồ dùng. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác hằng ngày không gây ô nhiễm môi trường.

3.6.3. Điểm yếu

Không có.

3.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục đầu tư trang bị đồ dùng khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ; đảm bảo nguồn nước sạch và xử lý rác thải theo quy định.

3.6.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1,2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường được xây dựng kiên cố; có biển tên trường, khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn; Số phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi. Bếp ăn được tổ chức theo dây chuyền một chiều, thức ăn được lưu hằng ngày. Các lớp có đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Xử lý rác thải hằng ngày, không gây ô nhiễm môi trường.

Điểm yếu cơ bản:

Diện tích đất bình quân 6m^2/trẻ, chưa đủ theo quy định 8m^2/trẻ.

Cửa sổ nhà bếp chưa có lưới để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác.

Giáo viên chưa tận dụng hết các sản phẩm của trẻ để làm đồ dùng dạy học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Nhà trường, gia đình và xã hội là ba nhân tố quan trọng trong việc giáo dục trẻ. Nhà trường là nơi truyền đạt kiến thức cho trẻ. Gia đình là nơi trẻ luôn được yêu thương. Xã hội là môi trường thực tế, giúp trẻ hoàn thiện một số kĩ năng trong cuộc sống. Đây là mối liên kết không thể thiếu giúp trẻ phát triển toàn diện. Xác định được tầm quan trọng của các mối quan hệ này, Trường Mầm non 7A không ngừng chủ động phối hợp với cha mẹ học sinh và các ban ngành đoàn thể để tạo cho trẻ một môi trường giáo dục tốt nhất, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường.

1. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi nhóm, lớp và của trường được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh của Trường Mầm non 7A có xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đảm bảo đúng tiến độ [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường có các biện pháp hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh của trường [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: Phối hợp với giáo viên trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, khuyến khích trẻ đi học đầy đủ, đúng giờ [H4-4.1-02]. Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng các công trình hỗ trợ đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị cho nhà trường. Tuy nhiên, còn một số phụ huynh ở các lớp chưa hưởng ứng tích cực trong việc tham gia hỗ trợ các công trình đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trường [H1-1.4-06].

4.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4.1.3. Điểm yếu

Một số phụ huynh ở các lớp chưa hưởng ứng tích cực trong việc tham gia hỗ trợ các công trình đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trường.

4.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì và phối hợp có hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Đối với những phụ huynh chưa hưởng ứng tích cực trong việc tham gia hỗ trợ các công trình đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị thì nhà trường sẽ nhờ các mạnh thường quân khác hỗ trợ để công trình của Ban đại diện cha mẹ học sinh đạt hiệu quả.

4.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

2. Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục, công tác huy động trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp, thực hiện hồ sơ Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, hỗ trợ trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-01]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường có các biện pháp và hình thức để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường: thông qua các cuộc họp của cha mẹ học sinh của lớp, bảng tuyên truyền

của trường, lớp, sổ bé ngoan, sổ liên lạc hằng tháng, trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ học sinh ở giờ đón, trả trẻ [H4-4.1-02]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định [H4-4.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-04].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: Bé đến trường, Trung Thu, Ngày nhà giáo Việt Nam, Noel, Mừng xuân, Tổng kết năm học [H4-4.2-04].

Mức 3:

Hiệu trưởng tham mưu với chính quyền và phối hợp có hiệu quả hơn với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.1-04].

4.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch.

4.2.3. Điểm yếu

Hiệu trưởng tham mưu với chính quyền và phối hợp có hiệu quả hơn với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Hiệu trưởng tham mưu với chính quyền và phối hợp có hiệu quả hơn với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

4.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động đúng theo Điều lệ. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Hiệu trưởng tham mưu với chính quyền và phối hợp có hiệu quả hơn với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non là nền tảng cho các bậc học tiếp theo. Chính vì vậy, việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non là nhiệm vụ hàng đầu và là yếu tố đầu tiên để hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

1. Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng.

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.*

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

5.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch theo Thông tư 17 và 28 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, riêng khối Lá có sử dụng thêm Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi trong việc lập kế hoạch theo chương trình Mindjet Mindmanager phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.6-04]; [H1-1.7-03]; [H5-5.1-01].

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, với điều kiện thực tế nhà trường thông qua các tiết thao giảng chuyên đề trọng tâm của từng năm học [H1-1.4-10], tiết dự giờ hằng tháng [H1-1.07-06], các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ [H1-1.04-05], của trường [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

c) Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua mạng nội bộ kiểm tra kế hoạch giáo viên, qua các tiết dự giờ đột xuất và báo trước để đánh giá rút kinh nghiệm nhằm giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời trong việc thực hiện [H1-1.6-04]; [H1-1.7-06]. Hằng tháng, qua các buổi họp chuyên môn, đánh giá, rút kinh nghiệm để có

hướng bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên, nhân viên nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

a) 26/26 tỷ lệ 100% giáo viên có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng theo kế hoạch giáo dục, đảm bảo chất lượng. [H1-1.6-04]; [H1-1.7-06].

b) Nhà trường có bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục nhằm phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.6-04]; [H1-1.7-06]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở học tập của các nước trong khu vực đúng quy định, áp dụng hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương. Tuy nhiên, cán bộ quản lý chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trên thế giới [H1-1.6-04], [H1-1.7-06];

b) Hằng năm, nhà trường có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó có biện pháp để điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua báo cáo hằng tháng và triển khai trong các buổi họp [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04].

5.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá theo định kỳ và có biện pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương nhằm giúp giáo viên, nhân viên thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

5.1.3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trên thế giới.

5.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo cán bộ quản lý tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non và tham gia các buổi bồi dưỡng chuyên môn về chương trình giáo dục của các nước trên thế giới do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hướng dẫn, gợi ý giáo viên biết lựa chọn nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động nhận thức nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

5.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

2. Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

5.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) 26/26 tỷ lệ 100% giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động trong ngày cho trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và khả năng của trẻ, điều kiện nhà trường [H1-1.7-06]; [H5-5.2-01].

b) 26/26 tỷ lệ 100% giáo viên có xây dựng môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm đảm bảo an toàn, thuận tiện cho trẻ sử dụng [H1-1.7-06]; [H5-5.2-01].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế như: tổ chức các hoạt động lễ hội: Bé đến trường, Bé vui Trung thu, Bé chúc mừng cô 20/11, Bé vui Noel, Bé đón Xuân, Bé mừng mẹ và cô ngày 8 tháng 3, Lễ tổng kết năm học và lễ ra trường các bé 5 tuổi [H4-4.2-04] và tổ chức cho trẻ tham quan các khu du lịch: Suối Tiên, Đầm Sen, Thảo Cầm Viên [H5-5.2-02].

Mức 2:

Thông qua các hoạt động trong ngày, 26/26 tỷ lệ 100% giáo viên tổ chức cho trẻ thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.6-04]; [H1-1.7-06]; [H5-5.2-03].

Mức 3:

23/26 tỷ lệ 88,5% giáo viên tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi". Tuy nhiên, 03/26 tỷ lệ 11,5% giáo viên chưa xây dựng môi trường kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm [H1-1.1-04]; [H1-1.6-04].

5.2.2. Điểm mạnh

100% giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế.

5.2.3. Điểm yếu

03/26 tỷ lệ 11,5% giáo viên chưa xây dựng môi trường nhằm kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm.

5.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục nhắc nhở giáo viên kịp thời xây dựng môi trường nhằm kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm.

5.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

3. Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ.

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

5.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế quận Bình Thạnh và Trạm y tế Phường 7 trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, uống vacxin và thực hiện lịch tiêm chủng mở rộng theo quy định của Bộ Y tế [H5-5.3-01].

b) Từ tháng 3 năm 2019 đến nay, nhà trường có 378/378 tỷ lệ 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và tích cực nhằm giúp trẻ khỏe mạnh, cơ thể hài hòa cân đối; các biện pháp đã tổ chức thực hiện như: Đối với trẻ suy dinh dưỡng (tăng cường thêm bữa phụ: phô mai, uống sữa; xây dựng thực đơn giàu dinh dưỡng; tổ chức các hoạt động cho trẻ tắm nắng hằng ngày); Đối với trẻ thừa cân - béo phì (tăng cường cho trẻ vận động vào giờ thể dục sáng, hoạt động giữa giờ, thực hiện cho trẻ ăn thêm rau, giảm tinh bột; tuyên truyền với cha mẹ cho trẻ uống sữa ít béo, ăn trái cây), tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học. Trong 5 năm qua, nhà trường có số trẻ suy dinh dưỡng:

Năm học	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
Suy dinh dưỡng nhẹ cân	06/461 (1,3%)	02/422 (2,1%)	03/361 (0,8%)	03/365 (0,8%)	02/378 (0,5%)
Suy dinh dưỡng thấp còi	0	01/422 (0.24%)	02/361 (0.5%)	02/365 (0,5%)	04/378 (1%)

Số trẻ thừa cân béo phì:

Năm học	2013-2014		2014-2015		2015-2016		2016-2017		2017-2018	
	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra
Nhà trẻ	8	4	11	6	07	06	07	04	4	3
Mẫu giáo	53	47	58	54	45	42	39	37	37	34
Giảm %	10/61	16,4%	09/60	15%	04/52	7,7%	05/46	10,9%	04/41	9,8%

Tháng 9 năm 2018, nhà trường có 02/378 tỷ lệ 0,5 % trẻ suy dinh dưỡng và 38/378 tỷ lệ 10% trẻ thừa cân, béo phì. Tính đến thời điểm tháng 01 năm 2019, số trẻ suy dinh dưỡng là 01/02 tỷ lệ 50% trẻ giảm 01/02 tỷ lệ 50%, 03/378 tỷ lệ 0,8% trẻ thừa cân, béo phì chưa được phục hồi [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua buổi họp cha mẹ học sinh và trong giờ đón, trả trẻ [H1-1.10-08]; [H4-4.1-01]; [H5-5.3-04].

b) Nhà trường có xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Tính đến tháng 01 năm 2019 đến nay, nhu cầu năng lượng của 01 trẻ trong một ngày đạt khoảng 619 Kcal tại trường chiếm 52%. Số bữa ăn tại trường: 01 bữa chính và 02 bữa phụ. Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 37% năng lượng cả ngày, bữa phụ cung cấp từ 15% năng lượng cả ngày. So với các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu, nhà trường đã xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa đạt tỷ lệ:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 16% năng lượng khẩu phần;

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 36% năng lượng khẩu phần;

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% năng lượng khẩu phần.

Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ em/ngày (kể cả nước trong thức ăn) [H1-1.1-04]; [H1-1.6-03].

c) Tính đến thời điểm tháng 03 năm 2019, nhà trường có 01/01 tỷ lệ 100% trẻ suy dinh dưỡng và 35/35 tỷ lệ 100% trẻ thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Tuy nhiên, tình trạng dinh dưỡng của trẻ thừa cân, béo phì chưa được cải thiện cao so với đầu năm học [H1-1.1-04]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Nhà trường có 342/378 tỷ lệ 90,5% trẻ khỏe mạnh, có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H5-5.3-02].

5.3.2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Có xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối,

đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có các biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng.

5.3.3. Điểm yếu

35/38 trẻ thừa cân, béo phì chưa được cải thiện nhiều so với đầu năm học.

5.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2018 - 2019 và những năm tiếp theo cán bộ quản lý phối hợp với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. Thực hiện tốt việc theo dõi trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có các biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tăng cường lượng vận động và phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc cải thiện chế độ dinh dưỡng cho trẻ thừa cân, béo phì.

5.3.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

4. Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

5.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tính đến tháng 3 năm 2019, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ 95%. Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ đạt tỷ lệ 90%, trẻ 3 - 4 tuổi đạt 93%, 4 - 5 tuổi đạt 95% [H1-1.5-02]; [H5-5.4-01].

b) Năm học 2013 - 2014 đến nay, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Riêng trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm dưới hình thức miễn, giảm học phí [H1-1.1-04]; [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Tính đến tháng 3 năm 2019, tỷ lệ chuyên cần đạt trẻ 5 tuổi đạt 95%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 90%. Tuy nhiên, tỷ lệ chuyên cần của khối nhà trẻ so với các khối khác trong nhà trường đạt chưa cao vì sức đề kháng của trẻ còn yếu nên đi học chưa đều [H1-1.5-02]; [H5-5.4-01].

b) 90/90 tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H4-4.2-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

5.4.2. Điểm mạnh

Trẻ 5 tuổi luôn đạt tỷ lệ chuyên cần 95% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non tỷ lệ 100%.

5.4.3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần của khối nhà trẻ so với các khối khác trong nhà trường đạt chưa cao (90%).

5.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2018 - 2019 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 95% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100%. Giáo viên khối nhà trẻ thường xuyên phối hợp cùng cha mẹ chăm sóc sức khỏe cho trẻ tốt và động viên trẻ đi học đầy đủ.

5.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng. Trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ chuyên cần 95% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non 100%. Phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì cải thiện chưa đạt hiệu quả. Tỷ lệ chuyên cần của khối nhà trẻ còn thấp so với các khối khác trong nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

III. KẾT LUẬN CHUNG

Thực hiện quy trình kiểm định chất lượng trường mầm non, Trường Mầm non 7A đã triển khai và tiến hành công tác tự đánh giá để tự xem xét về hiện trạng và hiệu quả các hoạt động giáo dục; qua đó chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Công tác tự đánh giá không chỉ giúp nhà trường có cái nhìn tổng quát về thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục mà còn giúp nhà trường hiểu rõ mức độ yêu cầu cần đạt được của từng chỉ số, từng tiêu chí cụ thể. Việc xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu giúp nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng thích hợp hơn nhằm đạt mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Với mục tiêu xây dựng và phát triển nhà trường ngày càng vững mạnh, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và các cháu Trường Mầm non 7A không ngừng cố gắng duy trì và phát huy những điểm mạnh. Bên cạnh đó nhằm đẩy mạnh chất lượng giáo dục của nhà trường, cán bộ quản lý đã có sự quan tâm, chỉ đạo các hoạt động quản lý tài chính, cơ sở vật chất, cũng như phối hợp tốt với các lực lượng tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường, góp phần vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt:

+ Mức 1:

* Các tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%.

* Các tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 0%.

+ Mức 2:

* Các tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%.

* Các tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 0%.

+ Mức 3:

* Các tiêu chí đạt: 13/19, tỷ lệ: 68,4%.

* Các tiêu chí không đạt: 06/19, tỷ lệ: 31,6%.

- Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 2.

- Căn cứ theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Trường Mầm non 7A đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

Bình Thạnh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Kiên Trinh

Phụ lục 4
Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,…	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường	QĐ 129/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Hình ảnh bảng tin phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường	Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh đường truy cập vào Cổng thông tin điện tử về phương hướng chiến lược, website của trường	Năm học 2017 - 2018 đến 2018 - 2019	Ủy ban Nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2013 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội	Nhiệm kỳ 2018 - 2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu

			đồng trường			trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định khen thưởng-kỷ luật	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Biên bản họp Hội đồng nhà trường	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Danh sách phân loại tay nghề giáo viên	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Chủ tịch Công đoàn	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.3-02]	Giấy phép thành lập trường	Số 431/QĐ-UBND ngày 30/10/1990	Ủy ban Nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ Hiệu trưởng	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng Phó hiệu trưởng

	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng Phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ quản lý nhân sự	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ tổ chuyên môn, văn phòng	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Sổ tài sản trường, lớp - Biên bản kiểm tra tài sản	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng
	7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	8	[H1-1.4-08]	Hồ sơ đánh giá xếp loại công chức, viên chức	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	9	[H1-1.4-09]	Sổ lưu trữ công văn đi, đến	Năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018	Văn thư	Phòng tài vụ
	10	[H1-1.4-10]	Kế hoạch thực hiện chuyên đề	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh bạ học sinh	Năm học 2013 -2014	Hiệu trưởng	Phòng hiệu

				đến 2017 - 2018		trưởng
	2	[H1-1.5-02]	Sổ điểm danh	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng tài vụ
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ kế toán	Năm 2014 - 2018	Kế toán	Phòng tài vụ
	2	[H1-1.6-02]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2015 - 2016 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.6-03]	Hợp đồng mạng nội bộ, phần mềm bán trú	Năm học 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.6-04]	Kế hoạch giáo viên	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên	Giai đoạn 2015 - 2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch thực hiện bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng

	3	[H1-1.7-03]	Kế hoạch năm, tháng của Hiệu trưởng	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Hợp đồng lao động, khám sức khỏe cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Kế toán	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.7-05]	Bảo hiểm xã hội y tế, bảo hiểm tai nạn	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Kế toán	Phòng tài vụ
	6	[H1-1.7-06]	Phiếu dự giờ hoạt động dạy và nuôi	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	02 Phó hiệu trưởng	Phòng Hiệu phó
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Hồ sơ của Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng Phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ của Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ an ninh trật tự	Năm học 2013-2014 đến 2017-2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	2	[H1-1.10-02]	Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm, giấy chứng nhận an toàn thực phẩm	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.10-03]	Phương án phòng chống tai nạn thương tích	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Phương án phòng chống cháy nổ, biên bản, hình ảnh tập huấn	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Phương án phòng chống thảm họa thiên tai	Năm học 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.10-06]	Phương án phòng chống dịch bệnh	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	7	[H1-1.10-07]	Phương án phòng chống tệ nạn xã hội	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	8	[H1-1.10-08]	Hồ sơ y tế học đường	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Y tế	Phòng y tế
	9	[H1-1.10-09]	Hình chụp hộp thư góp ý,	Năm học 2013 - 2014	Hiệu trưởng	Phòng hiệu

			số điện thoại của hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, lịch tiếp công dân	đến 2017 - 2018		trưởng
	10	[H1-1.10-10]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Danh sách tham gia lớp nâng cao nghiệp vụ các trường ngoài công lập	Năm học 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Danh sách giáo viên đang tham gia lớp học nâng cao (đại học, vi tính, anh văn)	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Sổ trực bảo vệ	Năm học 2018 - 2019	Bảo vệ	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh khuôn viên trường lớp, phòng âm nhạc, biển tên trường, vườn cây của trẻ, đồ chơi ngoài trời	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi các lớp, phòng âm nhạc, sân thể dục	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 3.3		[H3-3.3-01]	Hình ảnh trang thiết bị các phòng làm việc: văn phòng, phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng nhân viên, khu để xe	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh kho thực phẩm	Năm học 2013 - 2014	Phó hiệu trưởng	Phòng hiệu

				đến 2017 - 2018	chăm sóc giáo dục	trưởng
	2	[H3-3.4-02]	Sổ 3 bước: sổ lưu mẫu sổ chợ, sổ tiếp phẩm...	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng
	3	[H3-3.4-03]	Phiếu xét nghiệm nước	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng Phó hiệu trưởng
	4	[H3-3.4-04]	Biên lai thu gom rác	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng
	5	[H3-3.4-05]	Hình ảnh nhà bếp (cửa sổ không có lưới)	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi tự làm	Năm học 2018 - 2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Văn phòng
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hình ảnh khu vực nhà vệ sinh trẻ	Năm học 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng

	2	[H3-3.6-02]	Hóa đơn thanh toán tiền nước	Năm 2018	Kế toán	Văn phòng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Hình ảnh bản tin tuyên truyền trường, lớp	Năm học 2018 - 2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Hồ sơ tuyên truyền của giáo viên	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng
	3	[H4-4.2-03]	Sổ liên lạc, sổ bé ngoan	Năm học 2018 - 2019	Giáo viên	Lớp
	4	[H4-4.2-04]	Hình ảnh các ngày lễ hội	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 5.1	3	[H5-5.1-01]	Tập vở các cháu	Năm học 2018 - 2019	Giáo viên	Lớp
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh trẻ hoạt động trên môi trường trong và	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng

			ngoài lớp, góc chơi			
	2	[H5-5.2-02]	Hợp đồng, hình ảnh trẻ tham quan	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H5-5.2-03]	Hồ sơ quan sát trẻ	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Giáo viên	Văn phòng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hồ sơ khám sức khỏe trẻ - danh sách trẻ uống vắcxin	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng
	2	[H5-5.3-02]	Sổ lưu cân, hồ sơ theo dõi sức khỏe trẻ - biểu đồ tăng trưởng	Năm học 2018 - 2019	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng
	3	[H5-5.3-03]	Hồ sơ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng
	4	[H5-5.3-04]	Hình ảnh bác sĩ tư vấn cho cha mẹ trẻ về sức khỏe trẻ	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Văn phòng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Tỉ lệ chuyên cần các lớp	Năm học 2013 - 2014	Phó hiệu trưởng	Văn phòng

				đến 2017 - 2018	chăm sóc giáo dục	
	2	[H5-5.4-02]	Đánh giá trẻ theo bộ Chuẩn trẻ 5 tuổi	Năm học 2013 - 2014 đến 2017 - 2018	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Văn phòng